

UBND TỈNH BÌNH THUẬN  
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO



**KẾ HOẠCH**  
**PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH BÌNH THUẬN**  
**NĂM HỌC 2019 - 2020**

*Bình Thuận, tháng 7 năm 2017*

Số : 1347/SGDĐT-KHTC

Bình Thuận, ngày 03 tháng 7 năm 2018

**KẾ HOẠCH**  
**Phát triển Giáo dục và Đào tạo năm học 2019 - 2020**  
**của tỉnh Bình Thuận**

Thực hiện Công văn số 2335/BGDĐT-KHTC ngày 05/6/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thực hiện xây dựng Báo cáo kế hoạch phát triển giáo dục, đào tạo và dự toán ngân sách năm 2019; Sở Giáo dục và Đào tạo Bình Thuận báo cáo cụ thể như sau:

**I. Đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch năm 2017 và ước thực hiện kế hoạch 8**

**1. Đánh giá chung tình hình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương**

Bình Thuận là tỉnh duyên hải miền trung tiếp giáp với khu vực miền Đông Nam bộ. Với địa hình hơn 90% là đồi núi, có nhiều xã miền núi, vùng cao, cơ sở hạ tầng còn yếu kém nên việc phát triển giáo dục đào tạo đồng bộ vẫn là điều khó khăn đối với tỉnh Bình Thuận.

Dân số toàn tỉnh hiện nay 1.193.504 người; tỉ lệ phát triển dân số tự nhiên 1,2%, trong đó nhóm 0-17 tuổi chiếm 37%. Dân tộc ít người chiếm 7,39 % (88.228) trong tổng dân số và phân bố hầu hết ở các huyện miền núi; đa số người Chăm sống ở vùng ven biển và chiếm tỷ lệ 40% so với tổng số dân tộc ít người.

Kinh tế - xã hội của tỉnh mặc dù có tăng trưởng nhưng vẫn còn nhiều khó khăn, thách thức như tình hình sản xuất, kinh doanh của một số doanh nghiệp phục hồi chậm, hiệu quả sản xuất kinh doanh chưa cao; tình hình thời tiết diễn biến bất thường đã ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Đứng trước những khó khăn nêu trên nhưng tỉnh rất quan tâm đầu tư cho giáo dục, coi phát triển giáo dục là tiền đề để phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Trong năm qua ngân sách của tỉnh chi cho ngành Giáo dục và Đào tạo chiếm tỷ trọng khoảng 29,34% trong tổng số ngân sách toàn tỉnh. Vì vậy tỷ lệ trường học kiên cố; trường chuẩn quốc gia ngày càng được nâng lên; công trình vệ sinh, nước sạch gần phủ kín các điểm trường chính; mạng lưới trường học phân bố đều khắp, kể cả ở vùng sâu, miền núi và hải đảo, đáp ứng nhu cầu học tập cho con em nhân dân trong tỉnh.

Bên cạnh những kết quả đạt được, giáo dục và đào tạo Bình Thuận còn nhiều khó khăn như: cấp học mầm non và tiểu học còn nhiều phòng học bán kiên cố xây dựng từ năm 1975-1976 đến nay đã xuống cấp trầm trọng; phòng hành chính quản trị,

phòng phục vụ học tập của mầm non; phòng học bộ môn, thư viện của tiểu học và THCS còn thiếu nhiều; tình hình tổ chức dạy 2 buổi/ngày, bán trú cho trẻ mẫu giáo, học sinh tiểu học gặp nhiều khó khăn về cơ sở vật chất, phòng học; tình hình học sinh bỏ học cấp THCS và THPT có giảm nhưng số lượng vẫn còn cao, đa số các em dễ bỏ học đi làm thuê để kiếm tiền; bên cạnh đó sự tác động của vấn đề giải quyết việc làm khó khăn, vấn đề sinh viên hiện nay ra trường không có việc làm và quay lại đi làm các nghề phổ thông đã tác động đến nhận thức hiện nay của học sinh THCS và THPT.

## **2. Đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch phát triển giáo dục và đào tạo**

### **2.1. Đánh giá tóm tắt tình hình thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu**

#### **a) Các chỉ tiêu theo hệ thống chỉ tiêu kinh tế - xã hội**

##### **- Tỷ lệ huy động học sinh các cấp học**

+ Mầm non: số cháu ra lớp đầu năm học 61.459, trong đó nhà trẻ có 6.218 cháu, so với năm trước tăng 620 cháu, tỷ lệ huy động 0-2 tuổi là 12,2% vượt 0,2% so với kế hoạch; mẫu giáo có 55.191 cháu, so với năm trước tăng 2.903 cháu, tỷ lệ huy động 3-5 tuổi là 87,12%, vượt 3,12% so với kế hoạch; mẫu giáo 5 tuổi có 25.385 cháu, so với năm trước tăng 3.578 cháu, tỷ lệ huy động 5 tuổi là 99,61% vượt 0,11% so với kế hoạch.

+ Tiểu học: số học sinh có mặt đầu năm 111.050, so với năm trước tăng 1.104 học sinh, tỷ lệ huy động học sinh tiểu học đúng độ tuổi đạt 99,99% vượt kế hoạch 0,09%; tỷ lệ huy động 6 tuổi vào lớp 1 đạt 99,99% vượt kế hoạch 0,09%.

+ Trung học cơ sở: số học sinh có mặt đầu năm 77.214, so với năm trước tăng 1.423 học sinh, tỷ lệ huy động học sinh THCS đúng độ tuổi đạt 90,28% vượt kế hoạch 2,28%.

+ Trung học phổ thông: số học sinh có mặt đầu năm 33.387, so với năm trước giảm 327 học sinh, tỷ lệ huy động học sinh THPT đúng độ tuổi đạt 49,5% vượt kế hoạch 0,5%.

##### **- Thực hiện tuyển mới các lớp đầu cấp**

Tuyển mới học sinh vào lớp 1 là 23.457, đạt tỷ lệ huy động cháu 6 tuổi vào lớp 1 là 99,99%, vượt 0,09% chỉ tiêu kế hoạch, so với năm học trước tăng 0,01%.

- Tuyển mới học sinh vào lớp 6 là 21.036, tỷ lệ tuyển mới học sinh vào lớp 6 so với học sinh hoàn thành chương trình lớp 5 là 97,5%.

- Tuyển mới học sinh vào lớp 10 là 11.556, tỷ lệ tuyển mới học sinh vào lớp 10 so với học sinh tốt nghiệp THCS là 75,36%.

##### **- Kết quả tuyển sinh đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp**

Tổng số sinh viên tuyển mới là 2.857, chia ra: Trung cấp chuyên nghiệp 972 sinh viên, Cao đẳng 1.294 sinh viên, Đại học 591 sinh viên.

#### **b) Các chỉ tiêu theo Nghị quyết của Đảng, UBND tỉnh, HĐND tỉnh**

Từ đầu năm đến nay, Sở Giáo dục và Đào tạo đã tập trung triển khai đầy đủ, kịp thời các nhiệm vụ, chỉ tiêu được Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh giao cho ngành Giáo dục năm 2017.

## **2.2. Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm năm học 2017-2018 theo Chỉ thị số 2699/CT-BGDĐT ngày 08/8/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo**

### 2.2.1. Đối với 9 nhiệm vụ trọng tâm

#### a) Về quy hoạch mạng lưới, quy mô học sinh

- Về quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục và đào tạo

Toàn tỉnh có tổng số **637** cơ sở giáo dục và đào tạo, tăng 4 trường so với năm học trước.

+ Trường Mầm non: 100% số xã, phường, thị trấn có cơ sở giáo dục mầm non. Tổng số trường 195, bình quân 1 xã có 1,53 trường. Trong đó: 163 trường công lập, 32 trường ngoài công lập. So với năm học 2016-2017 tăng 4 trường.

+ Trường Tiểu học: 100% số xã, phường, thị trấn có trường tiểu học, các điểm trường lẻ mở rộng đến tận thôn, bản. Tổng số trường 277, bình quân 1 xã có 2,18 trường (có 276 trường công lập và 01 trường ngoài công lập) So với năm 2016-2017 tăng 1 trường TH Xuân An, giảm 1 trường TH Đức Chính 1.

+ Trường Trung học cơ sở và PTCS: 130 trường công lập (không có trường ngoài công lập). So với năm học trước không có biến động. Có 118/127 xã đã có trường, còn 9 xã chưa có trường riêng nhưng do địa bàn gần nên không nhất thiết phải tách trường: Phan Lâm, Phan Điền (*Bắc Bình*), Đức Thắng, Bình Hưng, Hưng Long, Phong Năm, Tiến Lợi, Phú Trinh, Xuân An, (*Phan Thiết*).

+ Trường Trung học phổ thông và Phổ thông: 100% số huyện (thị xã, thành phố thuộc tỉnh) có trường. Tổng số trường 28, trong đó có 26 trường công lập, 2 trường ngoài công lập, giảm 1 trường Phổ thông Châu Á Thái Bình Dương.

+ Trường chuyên biệt: Tổng số 6 trường, gồm có 4 trường PT dân tộc nội trú huyện, 1 trường PT dân tộc nội trú tỉnh, 1 trường THPT chuyên Trần Hưng Đạo.

+ Các Trung tâm: có 127/ 127 xã có trung tâm học tập cộng đồng.

+ Các trường đào tạo: toàn tỉnh có 6 trường, gồm: Đại học Phan Thiết, Cao đẳng Cộng đồng, Cao đẳng Y tế, Cao đẳng Nghề, Trung cấp Nghề - Kinh tế - Kỹ thuật và trường Trung cấp Du lịch Mũi Né. Tuy nhiên, hiện tại trường Trung cấp Du lịch Mũi Né do không tuyển sinh được nên ngưng hoạt động.

**Thuận lợi:** hệ thống trường mầm non, phổ thông phát triển rộng khắp các vùng trong tỉnh, đảm bảo nhu cầu học tập của con em nhân dân ở địa phương.

**Khó khăn:** Nhiều trường gặp khó khăn trong vấn đề mở rộng diện tích đất để xây dựng theo hướng trường chuẩn quốc gia, trường nông thôn mới; có nhiều trường mẫu giáo có 5 đến 9 điểm trường lẻ rất khó khăn cho công tác quản lý và đầu tư CSVC theo hướng kiên cố.

- Về quy mô học sinh mầm non, phổ thông

+ Mầm non: Tổng số 61.459 cháu, chia ra: số cháu nhà trẻ là 6.218, tăng 620 cháu so với năm học trước. Đặc điểm ở nhóm tuổi này hầu hết các cháu được gửi đến các nhóm lớp tư nhân, việc đến lớp không ổn định, do vậy tỷ lệ huy động cháu đến lớp trong năm không ổn định; Số học sinh mẫu giáo là 55.191, tăng 2.903 cháu so với năm học trước; trong đó mẫu giáo 5 tuổi là 25.385 cháu, tăng 3.578 cháu so với năm học trước.

+ Tiểu học: Tổng số học sinh là 111.050, tăng 1.104 học sinh so với năm học trước.

+ Trung học cơ sở: Tổng số học sinh là 77.214, tăng 1.423 học sinh so với năm học trước.

+ Trung học phổ thông: Tổng số học sinh là 33.387, giảm 327 học sinh so với năm trước.

- Quy mô, kết quả tuyển sinh đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp

Tổng số sinh viên, học sinh hiện đang học tại các trường TCCN, CĐ, ĐH của tỉnh là 11.947 người (giảm 2.421 người so với năm trước), trong năm có khoảng 1.500 học sinh, sinh viên tốt nghiệp ra trường.

Số sinh viên, học sinh có mặt hiện nay chia ra: Cao học 84 người, Đại học 4.683 người, Cao đẳng 3.960 người, TCCN 3.220 người; trong đó cao đẳng nghề có 608 người, trung cấp nghề có 1.150 người.

- Về học sinh khuyết tật: có 837 học hòa nhập trong trường học, mầm non có 18 cháu, tiểu học có 685 học sinh, THCS có 106 học sinh, THPT có 28 học sinh. Tỷ lệ trẻ khuyết tật đi học là 35,4%.

- Số trường lớp dạy 2 buổi/ ngày: mầm non có 195 trường, chiếm tỷ lệ 100%; tiểu học có 241 trường, chiếm tỷ lệ 87%; có 4 trường Phổ thông DTNT huyện và 01 trường Phổ thông DTNT tỉnh.

- Việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp: đối với sinh viên tốt nghiệp đại học, cao đẳng khi ra trường xin việc rất khó khăn, đa số quay lại đi làm các công việc lao động phổ thông, làm trái nghề, làm ở các doanh nghiệp, công ty tư nhân. Riêng sinh viên tốt nghiệp cao đẳng – trung cấp nghề khi tốt nghiệp ra trường hầu hết đều có việc làm ổn định.

- Trong những năm qua Sở Giáo dục và Đào tạo rất quan tâm đến công tác đào tạo nguồn cho các vùng cao, dân tộc, miền núi bằng hình thức gửi đi cử tuyển ở các trường đại học, cao đẳng. Tuy nhiên, việc bố trí công việc khi các em ra trường tại các địa bàn này rất khó khăn vì hiện nay nhà nước đang thắt chặt biên chế. Vì vậy tập trung chuyên hướng đào tạo nghề cho học sinh thuộc các địa bàn này.

### **b) Tình hình đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý**

- Thường xuyên tổ chức quán triệt, nâng cao nhận thức cho đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục về chủ trương đổi mới giáo dục – đào tạo và hội nhập quốc tế; về đạo đức, tác phong nhà giáo, v.v... Nhìn chung đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên ý thức rất rõ việc đổi mới giáo dục – đào tạo từ nhiều phía nhưng quan trọng nhất là bản thân mỗi người cố gắng tự nghiên cứu, học tập, trau dồi để đổi mới

phương pháp quản lý, phương pháp dạy học theo xu hướng phát triển hiện nay trên toàn cầu và nâng cao chất lượng giáo dục của địa phương.

- Tổ chức các lớp bồi dưỡng nâng cao năng lực ngoại ngữ cho đội ngũ giáo viên tiếng Anh, bồi dưỡng cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên các trường DTNT; bồi dưỡng ứng dụng CNTT cơ bản, ứng dụng phần mềm quản lý trường học VnEdu cho cán bộ quản lý trường học; đào tạo đội ngũ giáo viên mầm non tự thực; tổ chức các lớp bồi dưỡng chuyên đề cho giáo viên; v.v...

- Thường xuyên tổ chức rà soát đội ngũ trong toàn ngành để bố trí, sắp xếp cho phù hợp từng đơn vị, địa bàn; đồng thời tiến hành quy hoạch đội ngũ cán bộ quản lý từ nay đến năm 2020 và định hướng cho những năm tiếp theo.

- Hiện nay, cơ bản đội ngũ giáo viên các cấp học đáp ứng đầy đủ, riêng giáo viên mầm non còn thiếu ở trường, lớp dạy 2 buổi/ ngày và bán trú.

- Việc triển khai chế độ chính sách đối với nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên, thực hiện đầy đủ, kịp thời, nghiêm túc theo đúng các văn bản hướng dẫn hiện hành, đạt hiệu quả trong việc khuyến khích việc dạy và học, thực hiện công bằng trong giáo dục, giúp củng cố, nâng cao và phát triển chất lượng giáo dục.

- Hiện nay toàn ngành có 22.396 cán bộ giáo viên, nhân viên. Trong đó có 1.481 cán bộ quản lý, 488 giáo viên nhà trẻ, 3.366 giáo viên mẫu giáo, 5.860 giáo viên tiểu học, 4.569 giáo viên THCS, 2.352 giáo viên THPT; 468 giảng viên các trường đại học, cao đẳng, TCCN. Tỷ lệ giáo viên công lập đạt trình độ đào tạo chuẩn trở lên đối với mầm non, tiểu học đạt 100%; THCS 100%; THPT 99,96%; Đại học, cao đẳng, TCCN đạt 100%.

### **c) Chất lượng giáo dục, công tác phân luồng và định hướng nghề nghiệp cho học sinh phổ thông**

#### **- Chất lượng giáo dục các cấp phổ thông cuối năm 2017-2018**

+ Tiểu học: môn **Toán** đạt hoàn thành trở lên chiếm tỷ lệ 99,12%, trong đó hoàn thành tốt chiếm 46,54%; môn **Tiếng Việt** hoàn thành trở lên chiếm tỷ lệ 98,88%, trong đó hoàn thành tốt chiếm 40,01%; **Về Năng lực**: Tự phục vụ - đạt trở lên chiếm 99,8%, trong đó - tốt 57,48%; Hợp tác - đạt trở lên chiếm 99,78%, trong đó - tốt 55,54%; Tự giải quyết vấn đề - đạt trở lên chiếm 99,48%, trong đó - tốt 50,92%; **Về Phẩm chất**: Chăm học chăm làm - đạt trở lên chiếm 99,75%, trong đó - tốt 53,84%; Tự tin trách nhiệm - đạt trở lên chiếm 99,89%, trong đó - tốt 53,74%; Trung thực, kỷ luật - đạt trở lên chiếm 99,95%, trong đó - tốt 60,8%; Đoàn kết, yêu thương - đạt trở lên chiếm 99,93%, trong đó - tốt 65,58%.

+ Trung học cơ sở: năm nay so với năm trước, Học lực: khá – giỏi chiếm tỷ lệ 57,94%/ 55,94%; yếu – kém chiếm tỷ lệ 6,46%/ 7,83%. Hạnh kiểm: khá – tốt chiếm tỷ lệ 92,89%/ 91,54%; yếu chiếm tỷ lệ 0,25%/ 0,43%.

+ Trung học phổ thông: năm nay so với năm trước, Học lực: khá – giỏi chiếm tỷ lệ 57,08%/ 56,59%; yếu – kém chiếm tỷ lệ 4,87%/ 5,62%. Hạnh kiểm: khá – tốt chiếm tỷ lệ 93,69%/ 92,89%; yếu chiếm tỷ lệ 0,44%/ 0,25%.

- Tình trạng học sinh bỏ học ở các cấp phổ thông:

Tích cực triển khai, thực hiện có hiệu quả cuộc vận động “Mỗi thầy giáo, cô giáo là một tấm gương đạo đức, tự học và sáng tạo” gắn với việc “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”, phong trào “Mỗi nhà giáo, cán bộ giáo dục giúp đỡ một học sinh có hoàn cảnh khó khăn”. Mặt khác, các trường đã chủ động xây dựng nhiều giải pháp tích cực nhằm duy trì sĩ số, vận động học sinh ra lớp, như: xây dựng quỹ giúp đỡ học sinh nghèo có nguy cơ bỏ học, thành lập tổ vận động và hỗ trợ học sinh có hoàn cảnh khó khăn, thành lập “Ban bảo trợ học đường” gồm những người có uy tín ở địa phương, làng xã; Triển khai tổ tư vấn – phòng tư vấn học đường ở các trường học. Nhiều trường tổ tư vấn tâm lý hoạt động bước đầu rất có hiệu quả. Vì vậy đã giảm được tỷ lệ học sinh bỏ học trong năm, số lượng học sinh bỏ học trong năm học là 1.119 học sinh, chiếm tỷ lệ 0,50%, so với năm trước giảm 0,07%. Cụ thể: Tiểu học bỏ học 12 em, tỷ lệ 0,01%, so với năm trước giảm 0,01%; THCS bỏ học 803 em, tỷ lệ 1,04%, so với năm trước giảm 0,07%; THPT bỏ học 304 em, tỷ lệ 0,91%, so với năm trước giảm 0,29%. Nguyên nhân học sinh bỏ học đa số rơi vào học sinh yếu kém chiếm tỷ lệ 52,01%, nguyên nhân khác 36,19%.

- Hoạt động hướng nghiệp, phân luồng học sinh sau THCS:

Việc phân luồng học sinh sau THCS đối với Bình Thuận còn gặp khó khăn do tư tưởng của phụ huynh đa số luôn mong muốn cho con em học hết THPT, các trung tâm hướng nghiệp – GDTX – dạy nghề ở cấp huyện hoạt động cầm chừng, điều kiện về cơ sở vật chất và nguồn nhân lực rất hạn chế nên việc mở lớp đào tạo nghề tại địa phương không thu hút được học sinh và nhân dân; còn trường Cao đẳng Nghề và Trung cấp nghề KTKT thì nằm ở địa bàn trung tâm thành phố nên các em ở lứa tuổi này còn quá nhỏ khi phải đi học xa gia đình làm cho cha mẹ không yên tâm.

d) Nâng cao chất lượng dạy và học ngoại ngữ:

Đến nay các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Bình Thuận triển khai chương trình thí điểm tiếng Anh hệ 10 năm ở các cấp học: Tiểu học 244 trường dạy 2 – 3 tiết/ tuần, 161/277 trường dạy 4 tiết/ tuần (58,12%), Trung học cơ sở 13/130 trường (10 %), Trung học phổ thông 3/29 trường (15,54%).

Triển khai Kế hoạch xây dựng trường điển hình về đổi mới dạy và học ngoại ngữ năm 2017-2018 tại 03 cấp học, cụ thể ở Trường Tiểu học Phước Hội 1, thị xã La Gi, Trường THCS Hàm Thắng, huyện Hàm Thuận Bắc và Trường THPT Phan Bội Châu, thành phố Phan Thiết. Theo đó, các trường điển hình đã triển khai theo kế hoạch các hoạt động đổi mới dạy và học tiếng Anh, bao gồm việc tổ chức thi hùng biện tiếng Anh cấp THPT và THCS theo cụm trường, thi kể chuyện bằng tiếng Anh cho học sinh tiểu học tại cụm Lagi. Bước đầu đã phát huy được năng lực tiếng Anh của học sinh, khuyến khích sự nỗ lực của thầy và trò trong việc đổi mới việc dạy và học ngoại ngữ theo hướng tích cực.

Triển khai thực hiện Quyết định 4113/QĐ-BGDĐT ngày 16/6/2009 của Bộ trưởng Bộ GDĐT về Kế hoạch giáo dục áp dụng cho Chương trình song ngữ tiếng Pháp và môn tiếng Pháp ngoại ngữ 2, chỉ thực hiện giảng dạy những lớp chuyên ngoại ngữ ở trường THPT chuyên tiếng Pháp ngoại ngữ 2, các trường THPT không chuyên chưa thực hiện được.

đ) Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) trong dạy, học và quản lý

- Triển khai việc dạy – học môn tin học: hiện nay có 111/277 trường Tiểu học, tỷ lệ 40%; 110/130 trường THPT, tỷ lệ 84,6%; 29/29 trường THPT, tỷ lệ 100%

- Ứng dụng CNTT trong công tác quản lý:

+ Sở đang sử dụng hệ thống quản lý văn bản do UBND tỉnh cung cấp để quản lý văn bản đi và đến. Vì vậy, 100% văn bản của Sở trao đổi với các đơn vị trực thuộc thực hiện qua hình thức điện tử (trừ những văn bản đặc biệt, có tính bảo mật). Sở cũng quán triệt cho các đơn vị trong toàn ngành tăng cường sử dụng thư điện tử để trao đổi, xử lý công việc. Ngoài ra, các phòng, ban của Sở còn sử dụng hộp thư @moet.edu.vn để nhận và gửi văn bản từ Bộ Giáo dục và Đào tạo.

+ Triển khai thực hiện đến tất cả trường học trên địa bàn của tỉnh hệ thống EMIS online. Đối với thực hiện phần mềm này, Sở Giáo dục và Đào tạo tổ chức tập huấn theo 3 kỳ báo cáo trong năm, tập huấn cho cán bộ EMIS của Phòng GDĐT nâng cao kỹ năng tìm kiếm, khai thác dữ liệu EMIS; thường xuyên theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, làm sạch dữ liệu, vì vậy dữ liệu EMIS của Bình Thuận mức độ chính xác cao, truyền dữ liệu cho Bộ GDĐT sớm hơn thời gian quy định. Đặc biệt là dữ liệu EMIS đã đáp ứng, cung cấp kịp thời thông tin, số liệu cho lãnh đạo, cho việc quản lý hàng ngày của ngành và lập báo cáo cho Bộ, cho tỉnh, cho các ban ngành v.v...

+ Triển khai thực hiện phần mềm quản lý trường học VnEdu đến tất cả các trường phổ thông trên địa bàn tỉnh. Từ việc ứng dụng phần mềm VnEdu đã giúp cho lãnh đạo nhà trường quản lý, điều hành các hoạt động của nhà trường thuận lợi hơn như: thực hiện các sổ sách điện tử, số liệu điện tử, giảm nhiều cuộc họp không cần thiết, hiệu trưởng đi công tác xa vẫn điều hành được thông qua phần mềm, nắm bắt và xử lý kịp thời học sinh có nguy cơ bạo lực học đường, có nguy cơ bỏ học v.v...; giúp cho giáo viên giảm đi gánh nặng vào những thời điểm tính toán kết quả học tập của học sinh, từ đó họ dành nhiều thời gian để đầu tư cho cho việc soạn giảng bài có chất lượng hơn. Đặc biệt phần mềm VnEdu đã kết nối số liên lạc đến gia đình học sinh, giúp cho phụ huynh nắm bắt kịp thời, cụ thể về nề nếp học tập hàng ngày, kết quả chất lượng học tập của con em họ, giúp việc phối hợp giữa nhà trường – gia đình – giáo viên rất thuận lợi. Hiện nay, tiếp tục triển khai phần mềm VnEdu cho các trường mầm non.

- Tình hình tổ chức và quản lý các hoạt động chuyên môn trên mạng: đã ban hành các Quy chế quản lý văn bản điện tử trên môi trường mạng, an toàn an ninh thông tin mạng.

- Công tác tổ chức quán triệt và xây dựng kế hoạch thực hiện các văn bản về công nghệ thông tin của Bộ GDĐT: Sau khi nhận được văn bản số 4116/BGDĐT-CNTT ngày 08/9/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Sở đã xây dựng văn bản số 2122/SGDDĐT-CNTT ngày 22/9/2017 về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ công nghệ thông tin năm học 2017 – 2018; Chỉ đạo cán bộ, công chức, viên chức trong toàn ngành tăng cường việc sử dụng các phần mềm mã nguồn mở nằm trong danh mục của Thông tư số 08/2010/TT-BGDĐT vào công tác quản lý, dạy – học.



- Tình hình chỉ đạo và sử dụng sổ sách điện tử: Từ năm học 2015-2016 đến nay Sở Giáo dục và Đào tạo đã chỉ đạo tất cả các trường phổ thông trên địa bàn tỉnh ứng dụng phần mềm VnEdu để thực hiện các sổ sách điện tử để thay thế cho các sổ sách viết tay. Đến nay có 277 trường Tiểu học, 130 trường THCS, 28 trường THPT đã thực hiện sổ điểm điện tử, sổ học bạ điện tử, sổ liên lạc điện tử, sổ đăng bộ, quản lý công văn và các sổ sách khác v.v...

- Công tác đầu tư hạ tầng: trong nhiều năm qua được sự quan tâm của UBND tỉnh, Công ty Xổ số kiến thiết, các doanh nghiệp, kinh phí chi thường xuyên của đơn vị đã tập trung đầu tư cho trường học, các cơ quan quản lý giáo dục về cơ sở hạ tầng CNTT. Vì vậy hiện nay có 100% trường học, cơ quan giáo dục của tỉnh được kết nối Internet; 3523 máy vi tính phục vụ quản lý; 7124 máy phục vụ cho dạy và học.

e) Đẩy mạnh giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm đối với các cơ sở giáo dục đại học: tỉnh Bình Thuận có 1 trường Đại học Phan Thiết tự thực, vì vậy trường tự chủ, tự chịu trách nhiệm hoàn toàn trong quản lý ngân sách, nhân sự và chương trình đào tạo.

g) Hội nhập quốc tế trong giáo dục và đào tạo: Chưa có

h) Tăng cường cơ sở vật chất đảm bảo chất lượng các hoạt động giáo dục và đào tạo.

- Trong năm học 2017-2018 đã tích cực đầu tư xây dựng phòng học kiên cố thay thế những phòng học đã xuống cấp trầm trọng, các phòng học mượn; tập trung xây dựng CSVC cho các trường học nằm trong lộ trình trường chuẩn quốc gia, nông thôn mới; bổ sung phòng học cho trường dạy 2 buổi/ ngày và bán trú; mua sắm trang thiết bị cho trường học. Đến nay không còn trường phải dạy ca ba.

- Trong năm đã xây mới 675 phòng học, phòng bộ môn, thí nghiệm thực hành, phòng phục vụ học tập cho các trường, gồm có Mầm non 215 phòng, Tiểu học 332 phòng, THCS 118 phòng, THPT 10 phòng.

h) Phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao

Các cơ sở đào tạo, các trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - GDTX, các cơ sở dạy nghề trong tỉnh phát huy quyền tự chủ, chủ động liên thông, liên kết, mở rộng nhiều ngành nghề, đa dạng tạo mọi điều kiện thuận lợi cho nhu cầu học tập của mọi tầng lớp nhân dân nói chung và đào tạo nguồn nhân lực cho địa phương nói riêng bằng nhiều hình thức: chính quy, tập trung, từ xa, vừa học vừa làm, ngắn hạn v.v...

Cơ cấu ngành nghề đào tạo cơ bản phù hợp với nhu cầu của nhân dân và nhu cầu nguồn nhân lực của địa phương; các ngành nghề chủ yếu là: du lịch, dịch vụ thương mại, tài chính kế toán, quản trị doanh nghiệp, quản trị dịch vụ du lịch lữ hành, kỹ năng chăm sóc khách hàng, Kinh tế Luật, Tin học, ngoại ngữ, địa chính, xây dựng, quản lý đất đai, kỹ thuật chế biến – pha chế thức ăn, công nghệ ô tô, điện công nghiệp, cơ điện tử, điện dân dụng điện công nghiệp, sư phạm mầm non, sư phạm tiểu học v.v...

Đào tạo nguồn cán bộ cho các vùng đặc biệt khó khăn: các trường PTDTNT huyện, PTDTNT tỉnh; trường Cao đẳng Nghề, Trung cấp nghề KTKT, các Trung tâm

Giáo dục nghề nghiệp luôn quan tâm và ưu tiên tuyển sinh học sinh dân tộc thiểu số, miền núi, vùng sâu vùng xa để đào tạo nguồn nhân lực cho các địa phương này; mặt khác tỉnh gửi đi đào tạo ở các trường Dự bị đại học TP.HCM, trường Đại học Tây Nguyên và một số trường đại học, cao đẳng ở TP.HCM.

Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao: trường THPT chuyên Trần Hưng Đạo, hàng năm tuyển chọn học sinh giỏi vào học các lớp chuyên, tập trung nguồn lực bồi dưỡng, luyện tập các đội tuyển để tham dự các kỳ thi olympic, học sinh giỏi quốc gia, số lượng học sinh đạt giải ngày càng tăng.

Tuy nhiên việc phân luồng học sinh theo năng lực bản thân vẫn chưa tạo được sự đồng thuận về nhận thức và giải pháp giữa ngành giáo dục với nhu cầu xã hội, phụ huynh học sinh. Khó khăn nhất hiện nay là sự kết hợp chưa chặt chẽ, thiếu hài hòa, không hợp lý giữa nhu cầu lao động (việc làm) và kế hoạch đào tạo của địa phương. Số lượng học sinh, sinh viên tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng, đại học ra trường không có việc làm khá nhiều; chưa tạo được mối liên kết giữa việc giáo dục nghề truyền thống địa phương với giáo dục phổ thông. Ở địa phương chỉ có nghề được xem là nghề truyền thống là chế biến hải sản, gốm (đất nung) Chăm, nhưng đến nay chủ yếu đã đưa vào dây chuyền sản xuất công nghiệp. Hơn nữa, học sinh không đăng ký học.

#### 2.2.2. Đối với 5 giải pháp

##### a) Hoàn thiện thể chế, đẩy mạnh công tác cải cách hành chính:

- Công tác cải cách thủ tục hành chính tiếp tục được Sở Giáo dục và Đào tạo quan tâm; hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2008 tại cơ quan Sở được vận hành thường xuyên, đạt hiệu quả. Giải quyết hồ sơ theo cơ chế “Một cửa” đạt tỷ lệ 96% trở lên đúng hạn theo quy định.

- Triển khai ứng dụng phần mềm Quản lý văn bản và điều hành theo đúng quy trình khép kín; thực hiện ký số và gửi văn bản điện tử qua các hệ thống thông tin theo đúng Quyết định số 3485/QĐ-UBND ngày 07/12/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh. Thực hiện cập nhật kết quả thực hiện nhiệm vụ UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao trên “Phạm mềm quản lý công việc được giao của tỉnh”.

- Thường xuyên theo dõi, cập nhật và triển khai, thực hiện đầy đủ, kịp thời các nhiệm vụ được UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao trên “Phạm mềm quản lý công việc được giao của tỉnh”.

- Xây dựng kế hoạch số 379/KH-SGDĐT-VP ngày 24/02/2017 về khắc phục các hạn chế qua kết quả đánh giá, xếp loại chỉ số cải cách hành chính (CCHC) năm 2016 của đơn vị. Thường xuyên nhắc nhở các phòng, ban chuyên môn, nghiệp vụ tăng cường các giải pháp, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác cải cách hành chính của cơ quan Sở và toàn ngành.

- Thực hiện rà soát 44 thủ tục hành chính, trong đó có 12 thủ tục thực hiện trực tuyến mức độ 4: Giấy phép dạy thêm cấp THPT, công nhận trường MN, TH, THCS, THPT, PT nhiều cấp học đạt CQG, cho phép hoạt động trường THPT, sáp nhập – chia tách trường THPT, thành lập trung tâm ngoại ngữ - Tin học, Chính sửa nội dung

văn bằng – chứng chỉ, chuyển trường THPT ngoài tỉnh, công nhận văn bằng tốt nghiệp các cấp phổ thông do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp.

- Sở Giáo dục và Đào tạo đã tiến hành khảo sát sự hài lòng của tổ chức, cá nhân đến liên hệ giải quyết thủ tục hành chính tại bộ phận “Một cửa” của cơ quan Sở, kết quả có 100% phiếu khảo sát hài lòng.

b) Nâng cao năng lực lãnh đạo của cán bộ quản lý giáo dục các cấp: thường xuyên tổ chức bồi dưỡng, tập huấn cho cán bộ quản lý về kỹ năng ứng dụng CNTT trong quản lý, kỹ năng ứng dụng phần mềm EMIS, VnEdu trong việc lãnh đạo, điều hành các hoạt động của nhà trường của cơ quan quản lý giáo dục. Tổ chức bồi dưỡng cho cán bộ, giáo viên các trường Phổ thông Dân tộc nội trú về quản lý học sinh nội trú, quản lý bếp ăn; tổ chức đào tạo và cấp chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản; kỹ năng ứng dụng phần mềm VnEdu trong quản lý trường học cho đội ngũ cán bộ quản lý các trường phổ thông, mầm non và cán bộ quản lý chuyên môn cấp Sở, cấp Phòng.

c) Tăng cường nguồn lực đầu tư cho giáo dục và đào tạo

Các tổ chức, doanh nghiệp hỗ trợ các trường học miền núi, vùng cao, vùng khó khăn để xây dựng cơ sở vật chất, đào tạo bồi dưỡng: Tổ chức Cargill của Mỹ hỗ trợ 2,8 tỷ đồng để xây dựng 6 phòng học mẫu giáo cho địa bàn xã khó khăn; Công ty xố số kiến thiết, Công ty Bảo Việt của tỉnh đã hỗ trợ phòng máy vi tính cho 20 trường và xây dựng phòng học cho 2 trường mẫu giáo; Tổ chức Enabel của Chính phủ Bỉ tài trợ 2,2 tỷ để đào tạo bồi dưỡng trình độ ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản và Kỹ năng ứng dụng phần mềm VnEdu trong quản lý trường học cho 370 cán bộ quản lý các trường tiểu học, THCS và THPT.

d) Tăng cường công tác khảo thí, kiểm định chất lượng: chỉ đạo các cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học, THPT đẩy mạnh công tác tự đánh giá chất lượng trong nhà trường, tổ chức triển khai công tác đánh giá ngoài. Đến nay đã thực hiện kiểm định chất lượng giáo dục với số lượng là 174/195 trường mầm non, 277 trường tiểu học, 130 trường THCS, 25 trường THPT.

đ) Đẩy mạnh công tác truyền thông về giáo dục và đào tạo:

- Trong chỉ đạo, Ngành đặc biệt chú trọng đến công tác tuyên truyền, bồi dưỡng trình độ chính trị, giáo dục chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, nhằm nâng cao nhận thức cho đội ngũ về lý tưởng cách mạng, ý thức rèn luyện phẩm chất đạo đức Nhà giáo, tâm huyết với nghề nghiệp, có lối sống lành mạnh, luôn là tấm gương sáng cho học sinh noi theo.

- Đẩy mạnh tuyên truyền sâu, rộng trong đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và trong cộng đồng xã hội về “Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế” với mục tiêu đổi mới tư duy giáo dục; đổi mới quản lý giáo dục và phát triển đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục đáp ứng yêu cầu theo hướng:

+ Giáo dục con người Việt Nam phát triển toàn diện. Xây dựng nền giáo dục mở, dân chủ, thực học, thực nghiệp (dạy và học thực chất, học đi đôi với hành), có cơ cấu và phương thức hợp lý, gắn với xã hội học tập; bảo đảm các điều kiện nâng cao chất lượng. Chuẩn hóa hệ thống giáo dục, hội nhập quốc tế nhưng vẫn giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa và mang đậm bản sắc dân tộc.

+ Đổi mới phương thức kiểm tra, thi, đánh giá chất lượng giáo dục bảo đảm trung thực, tin cậy; đánh giá kết quả hình thành năng lực, phẩm chất chứ không dừng lại ở đánh giá mức độ lĩnh hội kiến thức của người học.

Trong năm qua, mặc dù còn nhiều khó khăn nhưng trong từng đơn vị trường học, cơ quan quản lý giáo dục, toàn thể đội ngũ cán bộ quản lý, nhà giáo của tỉnh quyết tâm chung sức, chung lòng xây dựng ngành giáo dục tỉnh nhà ngày càng đi lên, chất lượng vững chắc, có nhiều nhân tài, học sinh giỏi.

2.2.3 Kết quả thực hiện các chính sách của Nhà nước và các chính sách của địa phương đối với học sinh, sinh viên; chính sách đối với giáo viên, giảng viên; chính sách đối với cơ sở giáo dục và đào tạo; các nội dung về đổi mới cơ chế, chính sách tài chính giáo dục và đào tạo; Phân bổ ngân sách, đào tạo giáo viên, đặt hàng giao nhiệm vụ...; chính sách đối với cơ sở giáo dục đào tạo ngoài công lập; hiệu quả sử dụng ngân sách nhà nước; các vướng mắc hiện nay kiến nghị sửa đổi: ở khâu ban hành, ở khâu thực hiện...

a) Kết quả thực hiện các chính sách của Nhà nước và các chính sách của địa phương đối với học sinh, sinh viên; chính sách đối với giáo viên, giảng viên; chính sách đối với cơ sở giáo dục và đào tạo; các nội dung về đổi mới cơ chế, chính sách tài chính giáo dục và đào tạo; Phân bổ ngân sách, đào tạo giáo viên, đặt hàng giao nhiệm vụ

Được sự chỉ đạo của UBND tỉnh, Sở Giáo dục và Đào tạo phối hợp với các Sở, ban ngành có liên quan hướng dẫn các cơ sở giáo dục thường xuyên cập nhật, nghiên cứu các văn bản, rà soát các chế độ chính sách trong giáo dục, lập dự toán theo quy định, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt; báo cáo theo định kỳ hoặc đột xuất kết quả thực hiện và những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện. Các chính sách giáo dục trong những năm qua đã được triển khai đầy đủ, kịp thời, đúng mục đích và nghiêm túc theo đúng các văn bản hướng dẫn hiện hành, phù hợp với điều kiện của địa phương, phát huy hiệu quả thiết thực, tạo điều kiện tốt hơn trong công tác dạy và học, giảm tỷ lệ học sinh bỏ học; đồng thời, đạt hiệu quả trong việc khuyến khích học sinh học tập, thực hiện công bằng trong giáo dục, giúp củng cố, nâng cao và phát triển chất lượng giáo dục. Từ đó, góp phần quan trọng thực hiện mục tiêu củng cố, duy trì phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi, phổ cập giáo dục trung học cơ sở.

Về phân cấp quản lý ngân sách giáo dục được thực hiện như sau: đối với các trường Mẫu giáo, Tiểu học và Trung học cơ sở trực thuộc Ủy ban nhân dân thụ hưởng ngân sách cấp huyện, thị xã, thành phố; đối với các trường Trung học phổ thông trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo thụ hưởng ngân sách cấp tỉnh.

Các trường học thuộc đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính theo Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ đơn vị sự nghiệp công lập. Đối với Sở Giáo dục và Đào tạo, Phòng Giáo dục và Đào tạo là cơ quan quản lý nhà nước về lĩnh vực giáo dục thực hiện cơ chế tự chủ tài chính theo Nghị định 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước; Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005.

Các đơn vị được giao quyền tự chủ về tài chính có những chuyển biến rõ nét về chất lượng và hiệu quả trong công tác, cụ thể như: Tăng cường công tác quản lý trong nội bộ, sử dụng có hiệu quả các nguồn thu, tiết kiệm chi, nâng cao trách nhiệm của thủ trưởng đơn vị và tăng cường sự giám sát của cán bộ, nhân viên, giáo viên trong việc sử dụng biên chế, kinh phí hoạt động để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Thực hiện cơ chế tự chủ tài chính, các đơn vị đã đổi mới phương thức hoạt động, thu nhập đã từng bước cơ bản được cải thiện. Nguồn thu cùng với nguồn kinh phí tiết kiệm chi thường xuyên đã góp phần tăng thu nhập nhằm từng bước chăm lo, cải thiện đời sống của cán bộ, giáo viên, nhân viên của một số đơn vị.

Xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ trong việc quản lý và sử dụng kinh phí thường xuyên nhằm tiết kiệm kinh phí để có nguồn kinh phí tăng thêm thu nhập cho cán bộ, giáo viên, nhân viên trên cơ sở về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đúng quy định. Đồng thời, thực hiện công khai minh bạch các hoạt động thu, chi; tạo quyền chủ động cho người lao động hoàn thành nhiệm vụ được giao và là cơ sở để đơn vị quản lý, thanh toán các khoản chi tiêu với Kho bạc Nhà nước, cơ quan tài chính và cơ quan quản lý.

Trên cơ sở Quy chế chi tiêu nội bộ, thủ trưởng đơn vị được tự quyết định mức chi một cách linh động theo quy định của Nhà nước tùy theo nội dung và hiệu quả công việc trong phạm vi nguồn tài chính được sử dụng.

Các đơn vị từng bước đã được tự chủ huy động vốn để đầu tư tăng cường cơ sở vật chất, đổi mới trang thiết bị, tạo điều kiện mở rộng các hoạt động sự nghiệp và các hoạt động dịch vụ trong đơn vị.

Việc phân bổ dự toán chi tiết từng nguồn: kinh phí quản lý hành chính giao để thực hiện chế độ tự chủ theo các nhiệm vụ và dự toán kinh phí giao nhưng không thực hiện chế độ tự chủ tạo điều kiện cho các cơ quan, đơn vị thuận tiện trong công tác điều hành, thực hiện dự toán.

#### b) Chính sách đối với cơ sở giáo dục đào tạo ngoài công lập

Các cơ sở giáo dục đào tạo ngoài công lập hoạt động theo nguyên tắc tự chủ về tài chính, tự cân đối thu chi, thực hiện các quy định của pháp luật về chế độ kế toán, kiểm toán.

Thu nhập của các đơn vị được dùng để chi cho các hoạt động cần thiết tại đơn vị, thực hiện nghĩa vụ đối với ngân sách nhà nước, thiết lập quỹ đầu tư phát triển và

các quỹ khác. Thu nhập còn lại được phân chia cho các thành viên góp vốn theo tỷ lệ vốn góp.

Các đơn vị thực hiện nhiệm vụ thu đúng, thu đủ theo mức thu và đối tượng thu phù hợp với từng loại hoạt động, từng đối tượng, bảo đảm đủ bù đắp chi phí và có tích lũy.

Song song với việc tổ chức khai thác các nguồn thu đảm bảo tài chính cho hoạt động, các đơn vị còn có kế hoạch theo dõi việc sử dụng các nguồn kinh phí đúng mục đích để hoàn thành nhiệm vụ trên cơ sở minh bạch, tiết kiệm và hiệu quả.

Các đơn vị sự nghiệp ngoài công lập ngày càng tạo được uy tín cho người dân, đáp ứng nhu cầu cho những người có điều kiện tài chính tốt; không những phát huy vai trò, động lực của xã hội hóa trong quá trình đổi mới, khai thác tiềm năng trí tuệ và vật chất trong nhân dân, huy động toàn xã hội chăm lo sự nghiệp giáo dục mà còn giảm gánh nặng ngân sách cho nhà nước

c) Hiệu quả sử dụng ngân sách nhà nước; các vướng mắc hiện nay kiến nghị sửa đổi: ở khâu ban hành, ở khâu thực hiện...

Công tác quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước thời gian qua đã có những thay đổi theo hướng tích cực. Sự tuân thủ về dự toán, định mức, chế độ chi và quy định pháp luật về ngân sách nhà nước ngày được nâng cao. Các nghị quyết của Quốc hội, Chính phủ, Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ về nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước được các địa phương triển khai nghiêm túc, chỉ đạo thực hiện kịp thời. Từ đó đã từng bước nâng cao hiệu quả cho ngân sách nhà nước, chủ động hơn về nguồn thu cũng như điều hành chi, phát huy được tính sáng tạo trong khai thác nguồn thu và tính kịp thời về nguồn lực tài chính trong thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội. Bên cạnh đó, đẩy mạnh giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước; quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp công lập. Qua đó đã giúp các đơn vị chủ động trong việc sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước được giao một cách hiệu quả; tăng cường công tác quản lý trong nội bộ, sử dụng có hiệu quả nguồn lực, thúc đẩy phát triển hoạt động sự nghiệp, khai thác nguồn thu, góp phần đảm bảo nguồn để thực hiện cải cách tiền lương.

Tuy nhiên, những năm gần đây, ngân sách bố trí cho giáo dục có xu hướng giảm. Ngoài việc để lại 10% tiết kiệm theo quy định để tạo nguồn cải cách tiền lương, địa phương còn để lại 10% tiết kiệm để thực hiện chi khác phục vụ công tác điều hành phát sinh trong năm của Ngành; việc này gây khó khăn cho các cơ quan, đơn vị trong công tác điều hành, thực hiện dự toán.

Vi vậy, cần có sự thống nhất với các Bộ, ngành tham mưu Chính phủ Quy định chính sách cụ thể để làm cơ sở bổ sung ngân sách, tạo điều kiện cho Ngành thực hiện đáp ứng các yêu cầu nhiệm vụ được giao.

### **3. Đánh giá tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước**

3.1. Đánh giá thực hiện thu, chi ngân sách nhà nước chi thường xuyên; định mức phân bổ ngân sách chi thường xuyên/học sinh, sinh viên công lập; tỷ lệ chi giảng dạy học tập so với tổng chi sự nghiệp giáo dục; đánh giá việc thực hiện xã hội hóa giáo dục

a) Đánh giá thực hiện thu, chi ngân sách nhà nước chi thường xuyên

Hàng năm, sau khi ban hành Quyết định giao dự toán thu chi ngân sách cho các cơ quan, đơn vị; Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo cơ quan tài chính, cơ quan quản lý trực thuộc chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị trực thuộc tổ chức thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính theo quy định; Tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính của các cơ quan, đơn vị trực thuộc. Có biện pháp giải quyết, tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện.

Giao nhiệm vụ cho cơ quan tài chính hoặc cơ quan quản lý trực thuộc hàng năm tổ chức xét duyệt quyết toán của các cơ quan, đơn vị trực thuộc trong việc sử dụng dự toán kinh phí được giao để thực hiện các hoạt động, nhiệm vụ đặc thù, kinh phí mua sắm, sửa chữa thường xuyên...qua đó kiến nghị xử lý, chấn chỉnh sai phạm ở một số đơn vị để kịp thời sửa đổi, rút kinh nghiệm nhằm đảm bảo thi hành đúng quy định pháp luật đối với công tác tài chính.

Thực hiện Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ quy định cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015-2016 đến năm học 2020-2021; Quyết định số 26/2016/QĐ-UBND ngày 02/8/2016 của UBND tỉnh quy định mức thu, quản lý và sử dụng học phí đối với các cơ sở giáo dục đào tạo, dạy nghề công lập và chính sách miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập trên địa bàn tỉnh Bình Thuận từ năm học 2016-2017 đến năm học 2020-2021; các đơn vị trường học tiến hành thu, quản lý và sử dụng học phí công lập đúng quy định theo cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm; chấp hành đúng các quy định chính sách pháp luật về phí, lệ phí.

Ngoài ra, các đơn vị còn tiến hành các khoản thu sự nghiệp (thu dạy thêm học thêm, thu ôn tập...), thu phục vụ học đường (ăn phẩm, vệ sinh, nước uống...) trên cơ sở thỏa thuận giữa Ban đại diện cha mẹ học sinh với nhà trường theo nguyên tắc tự nguyện, từ đó quyết định mức thu phù hợp, đảm bảo nguyên tắc thu đủ để bù đắp chi phí, đúng quy định nhằm nâng cao chất lượng dạy và học.

Các khoản thu, chi được các đơn vị công khai và tổng hợp vào báo cáo quyết toán tài chính hàng năm theo quy định pháp luật.

b) Định mức phân bổ ngân sách chi thường xuyên/học sinh, sinh viên công lập; tỷ lệ chi giảng dạy học tập so với tổng chi sự nghiệp giáo dục

Định mức phân bổ ngân sách chi thường xuyên/học sinh, sinh viên công lập:

Về định mức phân bổ ngân sách chi thường xuyên/học sinh công lập: trung bình 8 triệu đồng/hs, trong đó: cấp mầm non khoảng 7,5 triệu đồng/hs, cấp tiểu học

khoảng 7,8 triệu đồng/hs, cấp THCS khoảng 8,1 triệu đồng/hs, cấp THPT khoảng 8,9 triệu đồng/hs.

Tỷ lệ chi lương so với tổng chi sự nghiệp giáo dục chiếm 83,9%, trong đó: cấp mầm non chiếm tỷ lệ 13,3%, cấp tiểu học chiếm tỷ lệ 35,1%, cấp THCS chiếm tỷ lệ 25,2%, cấp THPT chiếm tỷ lệ 10,3%.

Tỷ lệ chi hoạt động chuyên môn so với tổng chi sự nghiệp giáo dục chiếm 14,1%, trong đó: cấp mầm non chiếm tỷ lệ 2,2%, cấp tiểu học chiếm tỷ lệ 5,1%, cấp THCS chiếm tỷ lệ 3,5%, cấp THPT chiếm tỷ lệ 3,3%.

### c) Đánh giá việc thực hiện xã hội hóa giáo dục

Xã hội hóa giáo dục (XHHGD), trong những năm qua tỉnh Bình Thuận luôn quan tâm đúng mức và có những giải pháp hữu hiệu để vận động mọi người tham gia làm công tác giáo dục. Do làm tốt công tác xã hội hóa, chất lượng giáo dục của các trường có nhiều chuyển biến tích cực, quy mô trường lớp được xây dựng và củng cố ngày càng khang trang, sạch, đẹp. Đội ngũ giáo viên được tăng cường đủ về số lượng, trẻ hoá về độ tuổi, cơ bản đáp ứng yêu cầu về chuyên môn nghiệp vụ.

Trên cơ sở các cấp chính quyền giữ vai trò lãnh đạo, chỉ đạo, các trường có trách nhiệm huy động nguồn lực, các loại quỹ huy động từ cha mẹ học sinh đóng góp, các nguồn động viên trong xã hội và được công khai rõ ràng trước các cuộc họp phụ huynh toàn trường trong các trường học. Nhờ vậy các nhà tài trợ, các bậc cha mẹ học sinh đều tin tưởng khi họ tham gia đóng góp xây dựng trường. Sự minh bạch thu, chi các nguồn kinh phí đã góp phần củng cố sự đoàn kết trong nhà trường, làm cho mọi người tích cực tham gia vào công tác tuyên truyền, vận động nguồn lực.

Việc tuyên truyền đến các đối tượng trong xã hội và tranh thủ sự ủng hộ vật chất cũng như tinh thần của mọi người để xây dựng trường luôn được đẩy mạnh. Đây là một hoạt động mang tính nhân văn, xã hội cao và khi mỗi người nhận thức được sự cần thiết, lợi ích mà nhà trường đem lại thì họ đều tự giác, đồng lòng, đồng sức đóng góp có hiệu quả. Trong quá trình triển khai cuộc vận động, nhà trường thường xuyên phối kết hợp chặt chẽ với các ban, ngành, đoàn thể, Hội khuyến học để tranh thủ các nguồn lực.

Do điều kiện kinh tế tại tỉnh Bình Thuận còn không ít những khó khăn nên việc huy động XHH gặp một số khó khăn nhất định; tuy nhiên, do cách làm đúng, công khai, minh bạch, trên tinh thần đóng góp tự nguyện và có hiệu quả thiết thực nên việc huy động sự đóng góp từ mọi nguồn lực trong dân gặp nhiều thuận lợi, tạo được sự đồng tình nhất trí cao, từ đó nhà trường có thêm nguồn kinh phí tu sửa nhỏ và mua sắm các trang thiết bị cần thiết phục vụ cho công tác dạy và học.

### 3.2 Đánh giá việc thực hiện các chính sách hỗ trợ giáo dục, đào tạo

Việc thực hiện các chính sách giáo dục tại địa phương nói chung được thực hiện đầy đủ, kịp thời, nghiêm túc theo đúng các văn bản hướng dẫn hiện hành, đạt hiệu quả trong việc khuyến khích học sinh học tập, thực hiện công bằng trong giáo dục, giúp củng cố, nâng cao và phát triển chất lượng giáo dục. Cụ thể:

- Hỗ trợ ăn trưa cho trẻ mẫu giáo (10% mức lương cơ sở x 09 tháng)



- Chính sách giáo viên mầm non (*chi trả chế độ tiền lương theo quy định*)
- Hỗ trợ ăn trưa cho trẻ 3,4,5 tuổi (*120.000 đồng x 09 tháng*)
- Hỗ trợ học sinh dân tộc nội trú (*80% mức lương cơ sở x 12 tháng*)
- Chính sách miễn giảm học phí (*miễn học phí: mức thu học phí x 09 tháng; giảm học phí: mức thu học phí x 50% hoặc 70% x 09 tháng*), hỗ trợ chi phí học tập (*100.000 đồng x 09 tháng*)
  - Hỗ trợ chi phí học tập cho sinh viên người dân tộc thiểu số (*60% mức lương cơ sở x 10 tháng*)
  - Hỗ trợ học sinh khuyết tật thuộc hộ nghèo, cận nghèo (*80% mức lương cơ sở x 09 tháng*)
  - Hỗ trợ tiền ăn (*40% mức lương cơ sở x 09 tháng*), tiền ở (*10% mức lương cơ sở x 09 tháng*) và hỗ trợ gạo (*15kg gạo/01 tháng x 09 tháng*)
  - Hỗ trợ học tập trẻ mẫu giáo, học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số rất ít người (*30% hoặc 40% hoặc 100% mức lương cơ sở x 12 tháng*)  
(*chi tiết số học sinh và kinh phí thực hiện tại các phụ lục đính kèm*)

### 3.3 Về các chương trình, dự án do ngân sách Trung ương hỗ trợ

a) Đánh giá tình hình thực hiện trong việc triển khai các chương trình dự án như sau:

- Chương trình mục tiêu xây dựng nông thôn mới:
  - + Trong năm 2016 Sở Giáo dục và Đào tạo đã thực hiện mua sắm thiết bị cho các trường thuộc xã nông thôn mới, với tổng giá trị thực hiện/kế hoạch vốn giao: 2.760/2.750 triệu đồng bao gồm: 51 cây đàn Organ, 01 bộ thiết bị dạy học tối thiểu cho các trường mầm non; 153 cái tivi phục vụ giảng dạy cho các trường MN, TH, THCS.
  - + Năm 2017 triển khai mua sắm 08 phòng máy tính cho 08 trường TH theo danh mục mua sắm tập trung, nhưng do chưa lựa chọn được nhà thầu đáp ứng yêu cầu về mặt kỹ thuật nên nguồn vốn được chuyển sang năm 2018 tiếp tục thực hiện;
- Chương trình mục tiêu giảm nghèo bền vững: Hiện nay chưa có kinh phí để triển khai thực hiện theo kế hoạch Sở Giáo dục và Đào tạo đã đăng ký báo cáo cho Sở Lao động – Thương binh và Xã hội tại Công văn số 539/SGDDĐT-KHTC ngày 17/3/2017 về việc nhu cầu vốn mua sắm thiết bị tối thiểu hàng năm cho các trường mầm non, tiểu học tại các đơn vị thuộc Chương trình giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh.
- Chương trình mục tiêu giáo dục vùng núi, vùng dân tộc thiểu số và vùng khó khăn giai đoạn 2016-2020:
  - Theo Quyết định số 1719/QĐ-BGDĐT ngày 23/5/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Kế hoạch tiếp tục thực hiện Đề án Củng cố và phát triển hệ thống trường phổ thông dân tộc nội trú giai đoạn 2016 – 2020; Đồng thời UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 2957/KH-UBND ngày 18/8/2016 nhưng đến nay vẫn chưa giao kinh phí để thực hiện cụ thể:

- + Xây dựng CSVC: kinh phí 25.750 triệu đồng, vốn TW: 14.000 triệu đồng, vốn Đp: 8.100 triệu đồng, vốn SNGD hàng năm 3.650 triệu đồng
  - + Triển khai các hoạt động bồi dưỡng, tập huấn CM hàng năm : 400 triệu đồng.
- b) Đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công theo Luật Đầu tư công theo đúng tiến độ về mua sắm thiết bị dạy học.

Việc thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn cơ bản đã xóa bỏ tư tưởng cấp – phát vốn ngân sách nhà nước, nâng cao hiệu quả đầu tư, bên cạnh đó vẫn còn có những khó khăn, vướng mắc cần được tháo gỡ.

- Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 – 2020 được triển khai sau khi rà soát nhu cầu thực tế và cần thiết tại các bậc học. Bước đầu xác định ưu tiên đầu tư xây dựng phòng học thông thường cho bậc mầm mầm non, cấp trung học cơ sở đáp ứng 01 lớp/01 phòng học; xây dựng bổ sung phòng học còn thiếu cấp THCS và THPT, tiếp theo xây dựng các phòng chức năng cho các bậc học với mục tiêu đầu tư xây dựng kiên cố theo hướng đạt chuẩn quốc gia.

- Các nguồn kinh phí đầu tư xây dựng của kế hoạch 2018:

+ Ngân sách nhà nước: 303.184 triệu đồng.

+ Chương trình, dự án (vốn ODA): 11.722 triệu đồng (Dự án Phát triển Giáo dục trung học cơ sở giai đoạn 2).

- Dự tính đến hết năm 2018 với tổng kinh phí đầu tư từ các nguồn nêu trên, chủ đầu tư các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh Bình Thuận đã đầu tư xây dựng các hạng mục hạ tầng và xây dựng được khoảng 530 phòng học tại các cấp học.

### **Đánh giá chung**

- Những tồn tại hạn chế :

Cơ cấu xây dựng các khối công trình của các trường chưa đồng bộ, còn nhiều trường THCS dùng phòng học để làm phòng thí nghiệm – thực hành; nhiều công trình phục vụ cho việc nâng cao chất lượng học tập còn rất thiếu như: phòng học 2 buổi/ngày, bán trú, các phòng chức năng, phòng thư viện, phòng thí nghiệm, thực hành, nhà đa năng, phòng truyền thống, phòng hành chính quản trị, phòng hoạt động Đoàn - Đội và các công trình phụ khác trong khuôn viên; nhiều điểm trường lẻ mẫu giáo chưa có nhà vệ sinh cho giáo viên và học sinh.

Giáo viên mầm non chưa đáp ứng để tổ chức học 2 buổi và bán trú; giáo viên tiểu học chưa đủ để mở rộng thêm các trường dạy 2 buổi/ ngày và bán trú, trong khi đó nhu cầu học 2 buổi và bán trú ngày một tăng cao.

Việc triển khai dạy chương trình Tiếng Anh thí điểm 10 năm, song ngữ còn khó khăn.

Học sinh THCS và THPT bỏ học tuy đã giảm nhưng nguy cơ tiềm ẩn vẫn còn cao; chất lượng học tập của học sinh cấp THCS có nâng lên nhưng thực sự chưa bền vững; các hoạt động để nâng cao chất lượng các trường dân tộc nội trú còn chậm.

Phân luồng sau THCS gặp nhiều khó khăn, số học sinh tốt nghiệp THCS vào TCCN còn thấp, đào tạo nghề chưa thu hút học sinh sau khi hoàn thành chương trình THCS.

Cơ sở vật chất các cơ sở đào tạo có nhiều công trình xuống cấp; trang thiết bị nghèo nàn lạc hậu; đội ngũ giáo viên cơ hữu của một số cơ sở đào tạo còn thiếu về số lượng và hạn chế về năng lực và trình độ đào tạo theo yêu cầu.

- Các nguyên nhân chủ yếu

Về phát triển cơ sở vật chất : Do những năm trước đây địa phương chưa quan tâm việc quy hoạch đất đai trường học, đầu tư xây dựng dàn trải, manh mún, chắp vá nên dẫn đến tình trạng phòng học kiên cố ít, phòng học bán kiên cố ngày càng xuống cấp nhiều, do đó việc xây dựng trường chuẩn quốc gia gặp rất nhiều khó khăn; mặt khác tình hình ngân sách của tỉnh còn nhiều khó khăn nên chưa đáp ứng kịp nhu cầu phát triển của ngành.

Về tình hình học sinh THCS, THPT bỏ học còn nhiều nhất là ở vùng nông thôn và ven biển: Do kinh tế nông thôn, các dịch vụ ngày càng phát triển nên học sinh có học lực yếu dễ bỏ học để đi làm thêm; mặt khác tình trạng Game online phát triển rầm rộ khắp các nơi đã thu hút rất nhiều học sinh nghiện game và bỏ học.

Về chất lượng học tập của học sinh cấp trung học cơ sở còn thấp: Do nhiều năm qua tình trạng cơ sở vật chất còn thiếu thốn nhất là các phòng học bộ môn, thí nghiệm thực hành đã làm ảnh hưởng không nhỏ; có lúc, có nơi đánh giá chất lượng học tập của học sinh không đúng, còn mắc bệnh thành tích; còn một bộ phận giáo viên trách nhiệm không cao, chưa nhiệt huyết trong nghề nghiệp, chưa gần gũi, giúp đỡ học sinh yếu kém, không chịu phấn đấu tự nghiên cứu học tập để nâng cao năng lực chuyên môn và chất lượng dạy học.

Công tác quản lý có nơi, có lúc chưa chặt chẽ nên tình trạng dạy thêm, học thêm không đúng quy định, lạm thu trong trường học vẫn còn xảy ra.

Các cơ sở đào tạo gặp khó khăn trong việc khảo sát, tìm hiểu nhu cầu học tập của nhân dân, cầu nối gắn kết với các doanh nghiệp, các ngành để đào tạo theo địa chỉ chưa được thường xuyên, liên tục do đó còn nhiều học sinh, sinh viên ra trường chưa tìm được việc làm; các cơ sở dạy nghề ở các địa phương phát triển ngành nghề lúng túng, không đủ điều kiện về cơ sở vật chất, thiết bị thí nghiệm thực hành nên rất khó thu hút nhân dân tham gia học tập.

## **II. Kế hoạch phát triển giáo dục và đào tạo năm 2019 (năm học 2019-2020)**

### **1. Căn cứ xây dựng kế hoạch**

- Nghị quyết số 44/NQ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.

- Định hướng phát triển giáo dục và đào tạo theo tinh thần của Chiến lược phát triển giáo dục 2011 – 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Nghị quyết của Tỉnh ủy, Nghị quyết số 18/2011/NQ-HĐND ngày 14/12/2011 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Quy hoạch phát triển ngành Giáo dục và Đào tạo tỉnh Bình Thuận đến năm 2020.

- Quy hoạch phát triển ngành giáo dục và đào tạo tỉnh Bình Thuận 2011-2020.
- Phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm của các cấp học năm học 2019-2020.

## 2. Nội dung

### 2.1. Các mục tiêu và chỉ tiêu

a) *Mục tiêu 1:* Duy trì củng cố bền vững phổ cập giáo dục mầm non trẻ em 5 tuổi, phổ cập GDTH và phổ cập GDTHCS, tăng tỷ lệ huy động học sinh các cấp đến trường, thực hiện phân luồng học sinh tốt nghiệp THCS

- Giữ vững xã đạt chuẩn PCGDMNTE5T : 127 xã
- Giữ vững xã đạt chuẩn PCGDTHĐĐT : 127 xã
- Giữ vững xã đạt chuẩn PCGDTHCS : 127 xã
- Tỷ lệ huy động cháu nhà trẻ (0-2 tuổi) : 12,50%
- Tỷ lệ huy động cháu mẫu giáo (3-5 tuổi) : 87,50%
- Trong đó có HS bán trú* : *93,00%*
- Tỷ lệ huy động cháu mẫu giáo 5 tuổi : 99,60%
- Trong đó có HS bán trú* : *93,50%*
- Tỷ lệ huy động hs tiểu học (6-10 tuổi) : 99,90%
- Trong đó có HS bán trú, 2 buổi* : *76%*
- Tỷ lệ huy động hs THCS (11-14 tuổi) : 91,82%
- Tỷ lệ huy động hs THPT (15-17 tuổi) : 49,00%

b) *Mục tiêu 2:* Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, chú trọng chất lượng giáo dục cấp THCS, chất lượng của các trường DTNT và trường chuyên

- Tỷ lệ học sinh bỏ học trong năm không quá 1,5% (trong đó DTNT tỉnh không quá 5%)
- Tỷ lệ học sinh lưu ban không quá 2,0%
- Tỷ lệ học sinh phổ thông khá giỏi: THCS đạt 58% trở lên; THPT 57% trở lên

c) *Mục tiêu 3:* Tăng cường cơ sở vật chất, trường chuẩn quốc gia

- Số trường đạt chuẩn quốc gia mới trong năm là 17 trường (Mầm non 8, Tiểu học 6, THCS 3).

### 2.2. Phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm của các cấp học và trình độ đào tạo của địa phương, của ngành năm học 2019-2020

#### 2.2.1. Tiếp tục thực hiện 9 nhiệm vụ trọng tâm và 5 giải pháp

##### \* Đối với 9 nhiệm vụ trọng tâm

- Triển khai thực hiện đạt và vượt mức các chỉ tiêu, nhiệm vụ kế hoạch năm 2019.

- Rà soát quy hoạch sắp xếp mạng lưới trường học hợp lý

Tích cực tham mưu với cấp ủy, chính quyền, phối hợp với các đoàn thể tạo điều kiện về mặt bằng xây dựng, huy động đóng góp, hỗ trợ giám sát. Tăng cường đầu tư trang thiết bị phục vụ giảng dạy và học tập, ưu tiên kinh phí cho việc mua sắm,

thay thế thiết bị hư hỏng, đầu tư để trường đạt mức chất lượng tối thiểu, xây dựng trường chuẩn quốc gia lồng ghép với chương trình nông thôn mới. Đặc biệt ưu tiên đầu tư phòng học bộ môn, phòng thí nghiệm – thực hành cho các trường THCS, phòng dạy tiếng Anh cho các trường phổ thông; tích cực đầu tư xây dựng phòng học, nhà làm việc cho các trường mầm non để phát triển trường, lớp 2 buổi/ngày, bán trú; tiếp tục đầu tư phủ kín công trình vệ sinh và nước sạch cho trường học.

Tuyên truyền, vận động các tổ chức, cá nhân đóng góp cho sự nghiệp giáo dục, trong đó có phần lớn cho học sinh nghèo, có hoàn cảnh khó khăn.

Phối hợp với UBND cấp huyện rà soát, sắp xếp mạng lưới trường, điểm trường phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và nhu cầu học tập của con em nhân dân, tạo mọi điều kiện thuận lợi để trẻ khuyết tật được đến trường, trẻ ở miền núi, vùng khó khăn, vùng sâu, vùng xa ra lớp cao.

- Phát triển đội ngũ cán bộ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục

Đặc biệt chú trọng đến bồi dưỡng trình độ chính trị, giáo dục chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, nhằm nâng cao nhận thức cho đội ngũ về lý tưởng cách mạng, ý thức rèn luyện phẩm chất đạo đức Nhà giáo, tâm huyết với nghề nghiệp, có lối sống lành mạnh, luôn là tấm gương sáng cho học sinh noi theo.

Đảm bảo có đủ số lượng giáo viên đứng lớp ở các cấp học ; tuyển chọn giáo viên có năng lực vào trường chuyên; tiếp tục đào tạo bồi dưỡng trình độ chuẩn B2, C1 cho đội ngũ giáo viên tiếng Anh; tuyển dụng giáo viên đạt chuẩn về chuyên môn, có năng lực bổ sung cho các trường mầm non và phổ thông còn thiếu giáo viên.

Khuyến khích giáo viên học tập nâng cao trình độ chuẩn, trình độ sau đại học; thường xuyên bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ; tổ chức các buổi hội thảo, tập huấn chuyên đề, v.v...

Đẩy mạnh công tác tập huấn, bồi dưỡng cho đội ngũ giáo viên nâng cao kỹ năng sử dụng phần mềm VnEdu trong công tác quản lý học sinh, quản lý lớp học; đào tạo, bồi dưỡng cho đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục các cấp về trình độ tin học căn bản và kỹ năng ứng dụng phần mềm VnEdu trong công tác lãnh đạo, điều hành, quản lý các hoạt động của nhà trường; bồi dưỡng, tập huấn cho cán bộ quản trị mạng việc quản lý, bảo trì, bảo mật vận hành các phần mềm thực hiện của ngành.

- Thực hiện phân luồng học sinh sau THCS, đẩy mạnh giáo dục hướng nghiệp, tư vấn học đường, phân luồng sau THCS, khoảng 75% trở xuống vào THPT, số còn lại học hệ GDTX và học các trường TCCN, trường nghề.

- Nâng cao chất lượng giáo dục

Huy động học sinh ra lớp, hạn chế lưu ban, bỏ học; duy trì kết quả thi tốt nghiệp THCS và THPT ở mức 90% trở lên.

Duy trì chất lượng phổ cập GDMNTE5T, phổ cập GDTHĐĐT, phổ cập THCS

Tăng số trường, số học sinh học 2 buổi/ ngày, học bán trú ở các trường mầm non và phổ thông; phát triển về số lượng và chất lượng học sinh học chương trình tiếng Anh 10 năm.

Tăng cường công tác dự giờ, thao giảng, học tập trao đổi kinh nghiệm giữa các trường, các giáo viên để rút kinh nghiệm.

Nâng cao chất lượng trường chuyên, tăng về số lượng và chất lượng đội ngũ học sinh giỏi quốc gia; nâng cao chất lượng các trường PTDTNT tỉnh, huyện.

Thực hiện tốt việc đổi mới phương pháp giảng dạy và học tập, sử dụng thường xuyên và thành thạo các thiết bị dạy học.

- Nâng cao chất lượng dạy và học ngoại ngữ, giáo viên thay đổi cách dạy, tạo môi trường cho học sinh thường xuyên được tiếp cận và thực hành kỹ năng nghe, nói thành thạo.

- Đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong giảng dạy, nghiên cứu bằng cách đẩy mạnh phong trào trong trường học việc ứng dụng CNTT trong giảng dạy, có thi đua khen thưởng cụ thể.

- Đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong công tác quản lý, trên cơ sở thực hiện phần mềm VnEdu, triển khai sử dụng đồng bộ sổ điểm điện tử, sổ học bạ điện tử, các sổ sách điện tử khác trong tất cả các trường tiểu học, THCS, THPT; tăng cường kết nối số liên lạc điện tử đến phụ huynh để có sự phối hợp kịp thời giữa giáo viên – phụ huynh – nhà trường nhằm nâng cao chất lượng học tập của học sinh; tiếp tục triển khai thực hiện phần mềm VnEdu đến tất cả các trường mẫu giáo, mầm non.

- Tích cực tham gia các dự án của nước ngoài trong điều kiện cho phép để đào tạo nâng cao trình độ, năng lực tiếng Anh cho giáo viên và học sinh.

- Tăng cường CSVC, trang thiết bị dạy và học, đặc biệt ưu tiên đầu tư phòng học bộ môn, phòng thí nghiệm – thực hành cho các trường THCS, và phòng dạy tiếng Anh cho các trường phổ thông; tiếp tục đầu tư phủ kín công trình vệ sinh và nước sạch cho trường học.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền Nghị quyết số 29-NQ/TW về “Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”; tuyên truyền gương người tốt, việc tốt; chính sách pháp luật của Đảng và Nhà nước v.v...

#### **\* Tiếp tục thực hiện 5 giải pháp**

- Hoàn thiện thể chế, đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính về giáo dục và đào tạo.

- Nâng cao năng lực lãnh đạo của cán bộ quản lý giáo dục các cấp về trình độ CNTT, ứng dụng phần mềm, trình độ tiếng Anh, kỹ năng quản lý. Tiếp tục tạo chuyển biến mạnh mẽ về đổi mới quản lý giáo dục và đào tạo, xây dựng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý có năng lực, có tâm huyết.

- Tăng cường nguồn lực đầu tư cho giáo dục từ nguồn kinh phí của trung ương, ngân sách của địa phương, vận động các tổ chức, cá nhân đóng góp để đầu tư cơ sở vật chất, đào tạo bồi dưỡng đội ngũ; tích cực mời gọi các nhà đầu tư mở rộng mạng lưới trường lớp tự thực nhất là các trường 2 buổi/ ngày, bán trú, trường chất lượng cao.

- Tăng cường công tác khảo thí và kiểm định chất lượng đối với các trường mầm non và phổ thông.

- Đẩy mạnh công tác truyền thông về giáo dục.

### **2.2.2. Định hướng các nhiệm vụ, giải pháp để xây dựng chỉ thị năm học 2019-2020 (ngoài 9 nhiệm vụ và 5 giải pháp đã thực hiện)**

- Tăng cường giáo dục kỹ năng sống, trải nghiệm thực tế cho học sinh thông qua các hoạt động ngoại khóa.

### **2.3. Kế hoạch dự toán ngân sách 2019**

Tổng kinh phí: 2.904 tỷ đồng

- Chi đầu tư phát triển: 350 tỷ đồng

- Chi thường xuyên: 2.554 tỷ đồng

Theo kế hoạch đầu tư công trung hạn, năm 2018 tỉnh Bình Thuận dự kiến tiếp tục bố trí nguồn ngân sách khoảng 350.000 đồng để đầu tư các hạng mục hạ tầng và các phòng học còn thiếu tại các cấp học và bố trí xây dựng các phòng học chức năng cho các trường trong kế hoạch công nhận trường đạt chuẩn quốc gia và xã đạt nông thôn mới năm 2019.

### **2.4. Kế hoạch tài chính – NSNN 3 năm 2019-2021**

- Năm 2019: 2.904 tỷ đồng

- Năm 2020: 3.340 tỷ đồng

- Năm 2021: 3.841 tỷ đồng

### **2.5. Kiến nghị**

- Bộ Giáo dục và Đào tạo tiếp tục có ý kiến với các Bộ, ngành liên quan quan tâm trình Chính phủ hỗ trợ địa phương kinh phí từ các chương trình, dự án để:

+ Đầu tư xây dựng cơ sở vật chất trường lớp học, đặc biệt ưu tiên xây dựng phòng học cho trường mầm non công lập, vì hiện nay các trường mầm non tư thục thường xảy ra tình trạng bạo hành trẻ.

+ Mua sắm TTB tối thiểu phục vụ dạy và học theo chương trình giáo dục mới.

+ Nâng định mức chế độ ăn trưa cho trẻ, vì theo Thông tư 06 của Bộ Giáo dục và Đào tạo định mức này không còn phù hợp với giá cả thị trường hiện nay.

+ Cần quan tâm đến chế độ chính sách nhiều hơn cho bậc học mầm non.

+ Bồi dưỡng, tập huấn giáo viên để đáp ứng nhu cầu dạy học theo chương trình đổi mới giáo dục.

*Nơi nhận:*

- Bộ GDĐT (10b) (báo cáo)
- UBND tỉnh (báo cáo)
- Sở KHĐT, Sở Tài chính;
- UBND huyện, TX, TP;
- Phòng GDĐT các huyện, TX, TP;
- Các Trường ĐH, CĐ, TCCN trong tỉnh;
- Giám đốc, các Phó GD Sở;
- Các Phòng, ban Sở;
- Lưu VT-Thiếp 50b

**GIÁM ĐỐC**

**Phan Đoàn Thái**

